

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60 /2024/ST-HNGĐ

Ngày 25/ 4/2024

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lữ Thị Dung

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thùy Dung; Bà La Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17 /2024/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lô Thị L** - sinh năm 1994 – có mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Lô Văn X** - sinh năm 1988 - vắng mặt.

Đều có địa chỉ: **Bản T, xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **Lô Thị L** trình bày: Chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** kết hôn vào ngày 12/11/2014, đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An**, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, anh **X** hay uống rượu, không có trách nhiệm với gia đình mặc dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần và hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống có quá nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến

nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị **L** làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lô Văn X**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung **Lô Thị Khánh L1** - sinh ngày 14/10/2014 và **Lô Văn Bảo A** – sinh ngày 28/3/2021, nếu ly hôn chị **L** có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 02 người con và không yêu cầu anh **X** phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị **Lô Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị .

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2024, anh **Lô Văn X** trình bày: Anh **Lô Văn X** và chị **Lô Thị L** kết hôn vào ngày 12/11/2014, đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An**, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, chị **L** tự ý bỏ đi không có nguyên nhân gì, anh **X** đã liên lạc để chị **L** quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi con, nhưng chị **L** không nhất trí quay về và gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả, chị **L** tự làm đơn xin ly hôn nên anh **X** không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung **Lô Thị Khánh L1** - sinh ngày 14/10/2014 và **Lô Văn Bảo A** – sinh ngày 28/3/2021, nếu ly hôn anh **X** có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai người con chung và không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Anh **X** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng anh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh **Lô Văn X** đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn ly hôn cho chị **Lô Thị L** được ly hôn với anh **Lô Văn X**. Buộc chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Giao con chung **Lô Thị Khánh L1** - sinh ngày 14/10/2014 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng; giao **Lô Văn Bảo A** – sinh ngày 28/3/2021 cho anh **X** trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung của vợ chồng cả chị **L** và anh **X** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị **L** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại bản Trung hương, **xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An** nên Tòa án nhân dân huyện Con Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** tại **UBND xã Y** cho biết, sau khi đăng ký kết hôn chị **L** và anh **X** sinh sống tại bản Trung hương, **xã Y, huyện C**, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2023 thì chị **L** bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, hiện tại anh **X** vẫn sinh sống tại địa phương, vợ chồng chị **L** và anh **X** có 02 người con chung và đang sinh sống cùng với anh **X** tại bản Trung hương, **xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An**.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Lô Văn X** đã được Tòa án lấy lời khai, về tình cảm anh **X** không nhất trí ly hôn; về con chung đề nghị Tòa án giao 02 người con chung cho anh **X** trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị **L** phải cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ vợ chồng anh không nợ tổ chức, cá nhân nào và anh **X** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh **X** đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh **Lô Văn X** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** có đăng ký kết hôn vào 12/11/2014, đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện C, tỉnh Nghệ An**, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **L** và anh **X** là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị **L** và anh **X** phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị **L** và anh **X** đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị **Lô Thị L** được ly hôn với anh **Lô Văn X**.

Về con chung: Vợ chồng chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** có 02 người con chung là **Lô Thị Khánh L1** - sinh ngày 14/10/2014 và **Lô Văn Bảo A** – sinh ngày 28/3/2021, nguyện vọng của chị **L** trực tiếp nuôi 02 người con chung và không yêu cầu anh **X** phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nguyện vọng của anh **X** trực tiếp nuôi 02 người con chung và không yêu cầu chị **L** phải cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy hiện tại 02 người con chung đang sinh sống cùng với anh **X**, cháu **T** có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, cháu **Bảo A** mặc dù đang còn nhỏ nhưng đang sinh sống ổn định cùng với anh **X**, để đảm bảo quyền lợi của các con nên xét giao con chung **Lô Thị Khánh L1** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, giao **Lô Văn Bảo A** cho anh **X** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chị **L** và anh **X** đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị **Lô Thị L** phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Lô Thị L**.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho chị **Lô Thị L** được ly hôn với anh **Lô Văn X**. Buộc chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- **Về con chung:** Giao con chung **Lô Thị Khánh L1** - sinh ngày 14/10/2014 cho chị **Lô Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng; giao **Lô Văn Bảo A** – sinh ngày 28/3/2021 cho anh **Lô Văn X** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành.

Chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn X** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị

L và anh **X** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị **Lô Thị L** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **L** đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000590 ngày 12/3/2024.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lữ Thị Dung